TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1963; HKTT: 113/21/6 Võ Duy Ninh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 103/31 khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị Tuyết M, sinh năm 1993; trú tại: 2/85B khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020, bản tự khai ngày 08/5/2020 nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2018, bà Trần Thị Kim L có cho bà Phan Thị Tuyết M vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) với thời hạn 03 (Ba) ngày để bà M đáo hạn ngân hàng, việc vay mượn giữa hai bên có lập giấy vay tiền và có ghi lãi suất theo thỏa thuận nhưng không ghi rõ mức lãi suất. Hết hạn, bà M không trả tiền cho bà L, bà L có tìm đến nhà bà M để hỏi nhưng không gặp, lúc này cha mẹ của bà M nói bà M đi đâu không ai biết. Cho đến nay, bà M chưa trả tiền cho bà L nên bà L yêu cầu buộc bà M phải trả cho bà L số tiền vay gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 2%/tháng tính từ 28/11/2018 đến ngày xét xử tạm tính là 16 tháng, số tiền là (400.000.000đ x 2%/tháng) x 16 tháng = 128.000.000 đồng; tổng cộng 528.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Yêu cầu bị đơn phải

trả số tiền đã vay 400.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử tính tròn 19 tháng là 63.308.000 đồng.

Bị đơn là bà Phan Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số nợ gốc và lãi là có căn cứ. Do các đương sự không thỏa thuận rõ về mức lãi suất này theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn là bà Phan Thị Tuyết M có địa chỉ cư trú tại phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 28/11/2018, bà Trần Thị Kim L và bà Phan Thị Tuyết M có lập giấy vay tiền, theo đó bà M vay của bà L số tiền 400.000.000 đồng với thời hạn 03 ngày nhưng không ghi rõ lãi suất, kể từ đó đến nay bà M chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ số tiền gốc và lãi nào.

Xét thấy, bà M vay tiền của nguyên đơn với cam kết sẽ trả hết trong thời hạn 03 ngày nhưng không thanh toán là vi phạm thỏa thuận, nguyên đơn yêu cầu bà M trả tiền gốc và lãi vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với lãi suất 2%/tháng kể từ ngày 28/11/2018 thấy rằng: Theo giấy vay tiền lập ngày 28/11/2018, các bên có ghi lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ mức lãi suất. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc*

trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ". Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Vì vậy, theo các quy định nêu trên, do các bên không thỏa thuận rõ mức lãi suất nên mức lãi suất được tính là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Trần Thị Kim L, buộc bà Phan Thị Tuyết M phải trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi (400.000.000 đồng x 0,83%) x 19 tháng = 63.308.000 đồng; tổng cộng bà Phan Thị Tuyết M phải trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền: 400.000.000 đồng + 63.308.000 đồng = 463.308.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với bà Phan Thị Tuyết M về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị Tuyết M phải trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 63.308.000 đồng, tổng cộng 463.308.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị Tuyết M phải chịu 22.532.320 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm ba hai nghìn, ba trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho bà Trần Thị Kim L số tiền 12.560.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0046398 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Vũ Trọng Quân